TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1049/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hùng
2. Ông Nguyễn Thành Lân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 782/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Đường G, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đường G, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Ông và bà Đặng Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, cả hai chung sống tại gia đình ông ở địa chỉ đường G, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi bà H sinh con, cả hai vợ chồng cùng về nhà ba mẹ bà H sinh sống. Trong thời gian này, hai vợ chồng không hiểu nhau, giữa hai người phát sinh nhiều khác biệt trong quan điểm sống, bà H không tôn trọng ông, áp đặt ông nhưng ông vẫn cố gắng vì thương con. Sau khi con được 06 tháng tuổi,

ông và bà H dọn lại về nhà ông sinh sống. Từ thời gian này, chỉ viện cớ lo cho con mà không quan tâm đến mọi việc lớn nhỏ trong gia đình, bà H không tôn trọng và không quan tâm đến các mối quan hệ với gia đình chồng kể cả những ngày lễ, tết hay giỗ chạp dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà H nữa nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Kim P – sinh ngày 15/6/2013. Ly hôn, ông sẽ giao con cho bà H nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2017 và tại các buổi làm việc ở Tòa án – Bị đơn, bà Đặng Thị H trình bày: Bà xác nhận thời gian hai bên chung sống và quá trình chung sống như phía ông K trình bày. Trong quá trình chung sống tuy cũng có những lúc vợ chồng chưa hợp quan điểm trong cách sống, nuôi dạy con nhưng đó chỉ là vấn đề nhỏ, bình thường của bao gia đình khác. Bà cũng thừa nhận trong thời gian nuôi con nhỏ, do có sự thay đổi về tâm sinh lý và do con của bà phát triển chậm hơn những đứa bé cùng trang lứa khác là chậm nói, có biểu hiện tự kỷ nên bà rất quan tâm, lo lắng và dành nhiều thời gian cho con dẫn đến đôi khi bà có sự thiếu sót trong cách cư xử với gia đình chồng cũng như chưa quan tâm chăm sóc chồng chu đáo nhưng hiện tại vợ chồng vẫn hạnh phúc bình thường, không có sống ly thân. Bà vẫn còn yêu thương chồng, con của bà cần sự yêu thương chăm sóc của cả cha mẹ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 01 con chung như lời ông K trình bày. Do không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến gì về con cái. Trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi con và đồng ý việc ông K cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng

Về tài sản chung, về nợ chung : Không có.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần K nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị H, các bên đương sự cùng cư ngụ tại quận Tân Bình. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2012 cấp ngày 02/3/2012 của Ủy ban nhân dân phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân của ông K, bà H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông K, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết cho đến tại phiên tòa ông K thừa nhận giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, ông yêu cầu ly hôn do bà H không quan tâm đến chồng, cũng như những công việc, mối quan hệ với gia đình chồng, phó mặc mọi việc trong gia đình cho ông nên lâu dần khiến ông thấy mệt mỏi, không còn tình cảm với bà H; bà H không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, vẫn còn yêu thương chồng và muốn con có đầy đủ cha mẹ. Qua lời trình bày của các bên, thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức lâm vào tình trạng trầm trọng, có thể giải quyết được nếu như có thời gian để vợ chồng chia sẻ, quan tâm nhau, bên cạnh việc bà H nhận thấy được thiếu xót của bản thân để cố gắng thu xếp, cân bằng giữa việc chăm sóc con với công việc gia đình để cùng ông K chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K, bà H vẫn có khả năng hòa giải, khắc phục và hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Ngoài ra, con chung của hai bên hiện đang bị chậm nói, rối loạn ngôn ngữ rất cần sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ. Vậy nên, căn cứ vào Điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của phía nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: ông Trần K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần K:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần K về việc xin ly hôn với bà Đặng Thị H.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006685 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Kiên:

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Kiên về việc xin ly hôn với bà Đặng Thị Hiền.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Kiên phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Kiên đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006685 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Nguyễn Thành Lân **Nguyễn Văn Hùng** **Mai Thị Bích Thảo**